

Bản án số: **11/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/6/2019

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đồi**

Ông **Nguyễn Kim Thành**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Hương Thu**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15B/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Ý N** – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Số 19 An Cư 2, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*)

2. Bị đơn: Ông **Phạm Anh T** – Sinh năm: 1982

Địa chỉ: K90/19 đường N, tổ 70 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Ý N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ý N và ông Phạm Anh T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên, giữa ông bà chưa tổ chức đám cưới thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Phạm Anh T có mối quan hệ không đúng đắn ngoài xã hội dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng và xô xát với nhau. Bà Nhi đã bỏ về nhà cha mẹ ruột của mình ở từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Phạm Anh T không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Phạm Anh T.

- Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị Ý N xác định giữa bà và ông Phạm Anh T không có con chung.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Lê Thị Ý N xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị Ý N xác định không có.

** Đối với bị đơn – ông Phạm Anh T:* Tòa án nhân dân quận Sơn Trà qua xác minh được biết ông đã bỏ đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 9/2018, để đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật và để đảm bảo quyền lợi cho ông Tuấn, Tòa án đã tiến hành Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đăng trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, trên báo nhân dân trong 03 số liên tiếp ngày 22,23,24 /02/2019 và phát sóng trên Đài tiếng nói Việt Nam 03 lần trong 03 ngày liên tiếp vào lúc 17 giờ 45 phút ngày 25,26,27/2/2019 để ông Tuấn được biết về vụ việc, có ý kiến phản hồi cũng như tham gia tố tụng tại Tòa án; Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải cũng như triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông Tuấn đều vắng mặt nên không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án không có cơ sở để xem xét yêu cầu và nguyện vọng của ông Tuấn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố*

tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Phạm Anh T không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc ly hôn đối với ông Phạm Anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Lê Thị Ý N nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Ý N là nguyên đơn trong vụ án, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 23/5/2019. Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật dân sự để xét xử vắng mặt nguyên đơn. Ông Phạm Anh T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Phạm Anh T vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn. Đồng thời, Hội đồng xét xử căn cứ điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] **Về nội dung:** Bà Lê Thị Ý N và ông Phạm Anh T kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 174, cấp ngày 05/8/2016. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tuy nhiên, giữa ông bà chưa tổ chức đám cưới thì đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Phạm Anh T có mối quan hệ không đúng đắn ngoài xã hội dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, to tiếng và xô xát với nhau. Bà Nhi đã bỏ về nhà cha mẹ

ruột của mình ở từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà đối với ông Phạm Anh T không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Phạm Anh T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ý N đối với ông Phạm Anh T thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Lê Thị Ý N và ông Phạm Anh T lại không làm được điều này. Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân tại địa phương thì được biết: Giữa ông Phạm Anh T và bà Lê Thị Ý N có mâu thuẫn trầm trọng ngay sau khi đăng ký kết hôn, bà Nhi không chung sống với ông Tuấn từ năm 2016 cho đến nay. Về phía ông Phạm Anh T cũng đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ khoảng tháng 09/2018 cho đến nay, điều này thể hiện việc bỏ mặc, không có thiện chí níu kéo hạnh phúc gia đình từ cả hai phía. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Lê Thị Ý N và ông Phạm Anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ý N đối với ông Phạm Anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về con chung:** Bà Lê Thị Ý N xác định giữa bà và ông Phạm Anh T không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung:** Bà Lê Thị Ý N xác định không có.

[6] **Về nợ chung:** Bà Lê Thị Ý N xác định không có.

Do ông Phạm Anh Tuấn vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông về tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp các đương sự có liên quan có thể khởi kiện bằng vụ án khác.

[7] **Án phí HNGĐ sơ thẩm:** Bà Lê Thị Ý N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn " của bà Lê Thị Ý N đối với ông Phạm Anh T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Ý N được ly hôn ông Phạm Anh T.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ý N đối với ông Phạm Anh T nên giấy chứng nhận kết hôn số 174 do UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng cấp ngày 05/8/2016 cho bà Lê Thị Ý N và ông Phạm Anh T không còn giá trị pháp lý.

2. Án phí HNGĐ-ST 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Lê Thị Ý N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nhi đã nộp tại biên lai thu số 7590 ngày 08/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Ý N đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND phường T,*
- *Lưu hồ sơ,*

NGUYỄN THỊ TRÂM